

Bản án số: 04/2018/LĐ-PT

Ngày: 04 - 6 - 2017

V/v Đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 08/2018/LĐ-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Tài T1, sinh năm 1968; Cư trú tại số nhà 19, đường T, khóm 7, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng P là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần cấp nước C; trụ sở tại số 204, đường Q, khóm 3, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Anh T2 - Sinh năm 1952; cư trú tại số 107, đường N, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền số: 06/GUQ-CNCM ngày 02/01/2018 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2017; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông được nhận vào làm việc tại Công ty cấp nước Minh Hải, nay là Công ty cổ phần cấp nước C từ ngày 01/01/1990 theo hợp đồng lao động (gọi tắt là HĐLĐ) xác định thời hạn 01 năm. Đến ngày 27/7/2016, Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước C, ban hành Quyết định số 153/QĐ- CTN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông. Tuy nhiên Quyết định này vi phạm trình tự thủ tục khi ban hành. Cụ thể:

- Vi phạm khoản 2 Điều 31, 38; khoản 3 Điều 44; Điều 46; Điều 208 Bộ luật lao động; vi phạm Điều 48 Luật doanh nghiệp năm 2014. Công ty đã không xin ý kiến của UBND tỉnh Cà Mau trước khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với 29 người lao động, không trao đổi trước với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và không thông báo trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

Do Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông trái pháp luật nên ông Trương Tài T1 yêu cầu :

- Hủy Quyết định số 153/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông. Nhận ông T1 trở lại làm việc.

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày tháng 3/2018 bằng số tiền 126.160.000 đồng.

- Chi trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 12.616.000 đồng.

- Tiền ăn giữa ca từ ngày 17/5/2016 đến tháng 3/2018 là 14.960.000 đồng

- Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng

- Tiền thưởng 12.616.000 đồng.

- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 4.731.000 đồng

- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng

- Tiền in ấn và chi phí khác 2.000.000 đồng

- Tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày nhận lại làm việc tại Công ty.

Tại các lời khai của người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện: Sau khi Công ty thực hiện xong cổ phần hoá, đi vào hoạt động, về cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty chưa phù hợp, hiệu quả không cao nên Công ty tiến hành tái cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty. Quy trình tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, Công ty đã tiến hành họp Ban chấp hành Đảng uỷ, họp chủ chốt lãnh đạo các phòng ban, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 05 và 06 thực hiện tái cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động và phương án sử dụng lao động, quá trình thực hiện có trao đổi với Ban chấp hành công đoàn của Công ty. Giám đốc Công ty ban hành quyết định số 153/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh T1 là đúng trình tự luật định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T1.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 08/2018/LĐ-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào các Điều 31, 36, 44, 46 và Điều 208 của Bộ luật Lao động năm 2012; Căn cứ vào các Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tài T1 đối với Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau về việc:

- Hủy Quyết định số 153/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông.

- Nhận ông T1 trở lại làm việc.

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày tháng 3/2018 bằng số tiền 126.160.000 đồng.

- Chi trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 12.616.000 đồng.

- Tiền ăn giữa ca từ ngày 17/5/2016 đến tháng 3/2018 là 14.960.000 đồng

- Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng

- Tiền thưởng 12.616.000 đồng.

- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 4.731.000 đồng

- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng

- Tiền in ấn và chi phí khác 2.000.000 đồng

- Tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày nhận lại làm việc tại Công ty.

Ngày 04/4/2018 ông Trương Tài T1 kháng cáo với nội dung đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Nguyên đơn tranh luận: Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng Công ty ban hành Quyết định số 153/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Trương Tài T1 là không đúng với điều 38, 39, 208 Bộ luật lao động; Nghị định số 63/2015; Nghị định số 91/2010; Thông tư số 38/2010; Thông tư số 44/2015 và Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại Doanh nghiệp, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Phía bị đơn tranh luận: Bị đơn xác định việc Công ty cho ông T1 thôi việc là căn cứ vào phương án cổ phần hóa, trong phương án này đã quy định sẵn, các trình tự này đã thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh C và đã được thông qua đại hội đồng cổ đông của Công ty. Do đó, Công ty không vi phạm Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại Doanh nghiệp và không vi phạm Luật doanh nghiệp, Công ty chấm dứt hợp đồng với anh T1 thuộc trường hợp đổi cơ cấu tổ chức và sắp xếp lại lao động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

Công ty không vi phạm khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 44 của Bộ luật lao động vì khi thực hiện phương án tái cơ cấu, xây dựng phương án sử dụng lao động đều có Ban chấp hành Công đoàn tham gia và ký tên, đóng dấu của tổ chức Công đoàn và đã báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh đến 70 ngày. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh T1 không thuộc trường hợp chuyển người lao động làm công việc khác nên không cần phải báo trước nên không vi phạm khoản 2 Điều 31 của Bộ luật lao động. Tranh chấp giữa ông T1 với Công ty là tranh chấp lao động cá nhân chứ không phải tranh chấp lao động tập thể nên không vi phạm Điều 208 của Bộ luật lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau với nội dung chấp nhận kháng cáo của ông Trương Tài T1, hủy quyết định số 153/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 của Công ty, buộc Công ty nhận ông T1 trở lại làm việc, buộc Công ty phải thanh toán chế độ tiền lương, bồi thường cho ông T1 và đóng các khoản bảo hiểm theo quy định. Không chấp nhận các yêu cầu về tiền ăn giữa ca, tiền thưởng Lễ, Tết, tiền nghỉ phép năm, chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chi phí khác, tiền tổn thất tinh thần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông T1 theo hình thức là “Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động” theo quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ Luật lao động. Để chấm dứt hợp đồng lao động với ông T1 Công ty phải thực hiện các trình tự theo quy định tại Điều 44 và Điều 46 Bộ luật lao động và Công ty phải chứng minh được việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[2] Vấn đề thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động Công ty: Tài liệu hồ sơ thể hiện Công ty có tổ chức lại lao động vì trước khi tái cơ cấu tổ chức lại lao động thì Công ty có tổng số lao động là 267 người, sau khi tổ chức lại lao động thì Công ty hoạt động có hiệu quả và chỉ sử dụng số lao động là 240 người, không phát sinh thêm bất cứ bộ phận mới hay người lao động mới nào, chỉ thay đổi tên của các phòng ban và bố trí lại lao động cho phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty. Điều này chứng minh được Công ty có thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[3] Về việc tuân thủ theo quy định tại Điều 44 và 46 Bộ luật lao động thấy rằng: Ngày 09/5/2016 Công ty đã phối hợp với Ban chấp hành công đoàn để trao đổi phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, cùng ngày Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị (HĐQT) thông qua phương án này. Ngày 12/5/2016 HĐQT ban hành Nghị quyết 05 thông qua phương án. Trong phương án được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 05 tại trang 17 có nội dung: “*Bước 2: Xây dựng phương án sử dụng lao động. Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty*”.

[4] Theo khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động quy định “*Việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo quy định tại Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động...*”, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Lao động quy định “*Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở*”.

Xét thời điểm xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức chưa có danh sách của những người bị chấm dứt hợp đồng lao động (ngày 09/5/2016). Tuy nhiên, ngày 16/5/2016 Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Trưởng phòng tổ chức làm việc với Trưởng bộ phận, đơn vị trực thuộc chốt lại danh sách người lao động của các bộ phận, đơn vị để xây dựng phương án sử dụng lao động sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy (BL 98) không có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động. Như vậy, khi xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy thì Công ty thực hiện trình

tự chặt chẽ là có họp Ban chấp hành Công đoàn vào ngày 09/5/2016 để thông qua phương án. Tuy nhiên, đến bước quan trọng là xây dựng phương án sử dụng lao động thì không có tài liệu nào thể hiện là Công ty trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

Thực tế khi kết thúc cuộc họp ngày 16/5/2016 (BL 98) thì ngày 17/5/2016 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 06. Trong thời gian này không có tài liệu thể hiện việc trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn là không đúng với Nghị quyết số 05 của Công ty và không tuân thủ theo khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật lao động.

[5] Mặc dù trong phương án và các danh sách chấm dứt hợp đồng lao động có chữ ký của bà Thẩm và đóng dấu của Ban chấp hành Công đoàn nhưng không có bất cứ biên bản nào thể hiện khi xây dựng phương án sử dụng lao động có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn. Tại biên bản làm việc ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đối với Ban chấp hành công đoàn của Công ty thì những thành viên của Ban chấp hành Công đoàn đều thể hiện quan điểm là khi xây dựng phương án sử dụng lao động, Công ty không mời Ban chấp hành tham gia.

Tại phiên tòa phía Công ty cho rằng khi họp lãnh đạo và các Trưởng bộ phận phòng ban xong vào ngày 16/5/2016 thì Công ty có đưa danh sách cho bà Thẩm ký tên, việc bà Thẩm ký danh sách chấm dứt hợp đồng lao động là đã thể hiện Công ty có trao đổi với Ban chấp hành Công ty. Như vậy, điều này thể hiện là mọi việc do Ban lãnh đạo của Công ty quyết định, việc bà Thẩm ký tên chỉ là hình thức, không thể hiện được ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Đây là trách nhiệm của Công ty trong việc phối hợp với Ban chấp hành công đoàn nhưng Công ty không thực hiện là vi phạm khoản 5 Điều 192 Bộ luật lao động. Do đó, Công ty chưa thể cho thôi việc đối với nhiều người mà chưa trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

[6] Quyết định số 153/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 được ban hành không đúng trình tự thủ tục như nhận định nêu trên nên cần chấp nhận kháng cáo của ông T1 về việc hủy Quyết định này và buộc Công ty phải nhận ông T1 trở lại làm việc.

Do chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 153/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 nên Công ty phải có trách nhiệm vật chất đối với ông T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể Công ty phải trả cho ông T1 các khoản sau:

Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc: Ông T1 yêu cầu được tính tiền lương từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm, mức lương ông yêu cầu theo hợp đồng lao động là 1,9 nhân với mức lương tối thiểu vùng từng thời điểm do nghị định của Chính phủ ban hành. Phía Công ty chấp nhận yêu cầu này của ông T1 nếu như Hội đồng xét xử quyết định hủy quyết định của Công ty. Xét yêu cầu của ông T1 là có cơ sở như nhận định trên nên chấp nhận yêu cầu của ông T1 buộc Công ty phải chi trả cho ông T1 số tiền cụ thể:

- Từ ngày 28/7/2016 đến 30/12/2016 là 05 tháng 03 ngày x 1,9 x 3.100.000 = 30.253.000 đồng;

- Từ ngày 01/01/2017 đến 30/12/2017 là 12 tháng x 1,9 x 3.320.000 = 75.696.000 đồng.

- Từ ngày 01/01/2018 đến 04/6/2018 là 05 tháng 04 ngày x 1,9 x 3.530.000 = 34.754.000 đồng.

Tổng cộng tiền lương: 140.703.000 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường cho ông T1 bằng 02 tháng tiền lương (Tại thời điểm xét xử phúc thẩm theo mức lương cơ bản nhân với mức lương tối thiểu vùng) là 3.530.000 đồng/tháng x 1,9 x 02 tháng = 13.414.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm cho ông T1 từ tháng 8/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Ông T1 có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Đối với tiền ăn giữa ca là 14.960.000 đồng; tiền thưởng Lễ - Tết là 4.000.000 đồng; tiền thưởng 12.616.000 đồng. Theo Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 có quy định không tính tiền lương là tiền ăn giữa ca, tiền thưởng nên không chấp nhận yêu cầu này của ông T1.

Đối với tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm = 2.938.200 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 thừa nhận từ khi hợp đồng lao động đến nay nếu ông nghỉ phép năm thì vẫn được hưởng lương, nếu không nghỉ thì Công ty cũng không chi trả. Do buộc Công ty nhận ông T1 trở lại làm việc nên ông T1 có quyền thỏa thuận với Công ty để được nghỉ phép năm theo quy định.

- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng. Theo Điều 42 Bộ luật lao động quy định nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật buộc người sử dụng lao động phải bồi thường 02 tháng tiền lương, do đó không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiếp số tiền 33.200.000 đồng.

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng. Theo khoản 2, 3 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự quy định chi phí cho Luật sư do người yêu cầu chịu.

- Chi phí khác 2.000.000 đồng. Ông T1 trình bày chi phí khác cụ thể là chi phí in ấn tài liệu và phí công chứng các giấy tờ đi khởi kiện. Theo quy định từ Điều 151 đến Điều 169 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chi phí khác có cụ thể là chi phí ủy thác, chi phí định giá ... không có các loại chi phí do anh T1 đặt ra, do đó không chấp nhận yêu cầu này của ông T1.

Tổng cộng các khoản ông T1 yêu cầu được chấp nhận là 154.117.000 đồng.

Đối với số tiền trợ cấp thôi việc hiện ông T1 chưa nhận nên không xem xét đối trừ. Công ty tự thực hiện thủ tục để nhận lại số tiền này.

[7] Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm ông T1 không phải nộp, quá trình giải quyết ông được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần cấp nước C phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Tài T1.

Sửa bản án sơ thẩm số 08/2018/LĐ-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ vào các Điều 22, 31, 36, 42, 44, 46 Bộ luật lao động; Điều 147, Điều 151 đến Điều 169; khoản 2, 3 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/0/2015 của Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tài T1 đối với Công ty cổ phần cấp nước C.

- Hủy Quyết định số 153/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông và buộc Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau nhận ông Trương Tài T1 trở lại làm việc.

- Buộc Công ty cổ phần cấp nước C thanh toán cho ông Trương Tài T1 tổng số tiền là 154.117.000 đồng. (Một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm mười bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc Công ty cổ phần cấp nước C phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Ông T1 có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và các chế độ bảo hiểm khác cho ông Trương Tài T1 từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi nhận ông Trương Tài T1 trở lại làm việc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 đối với các khoản sau:

- Tiền ăn giữa ca là 14.960.000 đồng;
- Tiền thưởng Lễ - nghỉ Tết là 4.000.000 đồng;
- Tiền thưởng 12.616.000 đồng;
- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 4.731.000 đồng;
- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng;
- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng;
- Tiền in ấn và chi phí khác 2.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm về lao động: Ông T1 không phải nộp, đã được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần cấp nước C phải chịu án phí sơ thẩm là 4.623.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà